ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
521	HTTT	20522062	Nguyễn Bảo	Trọng	6.5	5.5	6	6	Tb khá	5119 /K20	
522	HTTT	20522063	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	6.5	6	8	6.83	Tb khá	5120 /K20	
523	HTTT	20522068	Hồ Tuấn	Trung	8	7.5	5	6.83	Tb khá	5121 /K20	
524	HTTT	20522071	Nguyễn Hoàng	Trung	8.5	7	7	7.5	Khá	5122 /K20	
525	HTTT	20522073	Nguyễn Quốc	Trung	7.5	8.5	7	7.67	Khá	5123 /K20	
526	HTTT	20522076	Phan Nguyễn Đức	Trung	7.5	5	7	6.5	Tb khá	5124 /K20	
527	HTTT	20522079	Đỗ Thanh	Trường	8.5	7	8	7.83	Khá	5125 /K20	
528	HTTT	20522093	Võ Lâm	Trường	9	9	8	8.67	Giỏi	5126 /K20	
529	HTTT	20522095	Hồ Thanh	Tú	8.5	5.5	6	6.67	Tb khá	5127 /K20	
530	HTTT	20522096	Huỳnh Khả	Tú	6.5	5.5	6	6	Tb khá	5128 /K20	
531	HTTT	20522104	Trương Nguyễn Thanh	Tú	6	5	6	5.67	T.Bình	5129 /K20	
532	HTTT	20522105	Võ Thành	Tú	7.5	5.5	7	6.67	Tb khá	5130 /K20	
533	HTTT	20522106	Đặng Minh	Tuấn	7	7	8	7.33	Khá	5131 /K20	
534	HTTT	20522108	Đỗ Mạnh	Tuấn	8.5	8.5	6	7.67	Khá	5132 /K20	
535	HTTT	20522109	Hà Danh	Tuấn	8	8	6	7.33	Khá	5133 /K20	
536	HTTT	20522118	Nguyễn Hoàng	Tuấn	7	7.5	7	7.17	Khá	5134 /K20	
537	HTTT	20522119	Nguyễn Hữu	Tuấn	6	6.5	8	6.83	Tb khá	5135 /K20	
538	HTTT	20522125	Phạm Phú	Tuấn	6.5	5	9	6.83	Tb khá	5136 /K20	
539	HTTT	20522135	Lê Phương	Tuyết	6.5	8.5	8	7.67	Khá	5137 /K20	
540	HTTT	20522136	Phạm Phước	Tỷ	6	6	7	6.33	Tb khá	5138 /K20	
541	HTTT	20522138	Đào Thị Thu	Uyên	6.5	7	8	7.17	Khá	5139 /K20	
542	HTTT	20522139	Đinh Thị Tú	Uyên	8	7.5	8	7.83	Khá	5140 /K20	
543	HTTT	20522140	Phạm Nguyễn Tố	Uyên	5.5	5.5	7	6	Tb khá	5141 /K20	
544	HTTT	20522144	Nguyễn Thị	Vân	7.5	5.5	8	7	Khá	5142 /K20	
545	HTTT	20522145	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	6	7	8	7	Khá	5143 /K20	
546	HTTT	20522150	Lê Vũ Quốc	Việt	5.5	6.5	7	6.33	Tb khá	5144 /K20	
547	HTTT	20522160	Nguyễn Quốc	Vinh	7.5	7.5	6	7	Khá	5145 /K20	
548	HTTT	20522164	Lê Tiến Tuấn	Vũ	6	5	7	6	Tb khá	5146 /K20	
549	HTTT	20522168	Trương Doãn Tuấn	Vũ	6.5	5	8	6.5	Tb khá	5147 /K20	
550	HTTT	20522175	Bùi Thị Thúy	Vy	6	5.5	7	6.17	Tb khá	5148 /K20	
551	HTTT	20522180	Lưu Yến	Vy	7	8.5	8	7.83	Khá	5149 /K20	
552	HTTT	20522181	Nguyễn Quang	Vy	6.5	7.5	7	7	Khá	5150 /K20	
553	HTTT	20522183	Phạm Thụy Ý	Vy	8.5	6.5	7	7.33	Khá	5151 /K20	
554	HTTT	15521043	Nguyễn Cao Thiên	Trí	7	7.5	7	7.17	Khá	5152 /K20	
555	HTTT	19522617	Huỳnh Tuấn	Kiệt	7	6.5	8	7.17	Khá	5153 /K20	
556	KHMT	20520043	Phan Doãn Thái	Bình	7	6	9	7.33	Khá	5154 /K20	
557	KHMT	20520047	Bùi Duy Anh	Đức	5.5	9	9	7.83	Khá	5155 /K20	
558	KHMT	20520052	Phạm Nhật	Hoàng	10	6.5	10	8.83	Giỏi	5156 /K20	
559	KHMT	20520055	Nguyễn Vĩnh	Hưng	6.5	7.5	8	7.33	Khá	5157 /K20	
560	KHMT	20520056	Lê Nhật	Huy	7.5	8	9	8.17	Giỏi	5158 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
561	KHMT	20520066	Mai Trung	Kiên	7	6.5	7	6.83	Tb khá	5159 /K20	
562	KHMT	20520070	Lê Nhật	Minh	6	6	5	5.67	T.Bình	5160 /K20	
563	KHMT	20520073	Lê Nguyễn Khánh	Nam	8	7	7	7.33	Khá	5161 /K20	
564	KHMT	20520075	Nguyễn Hoài	Nam	6	7.5	7	6.83	Tb khá	5162 /K20	
565	KHMT	20520079	Nguyễn Tư Thành	Nhân	9.5	6	8	7.83	Khá	5163 /K20	
566	KHMT	20520093	Lê Thế	Việt	8	7.5	8	7.83	Khá	5164 /K20	
567	KHMT	20520142	Trần Nguyên	Bảo	9	8	7	8	Giỏi	5165 /K20	
568	KHMT	20520154	Nguyễn Thành	Đạt	8	9	8	8.33	Giỏi	5166 /K20	
5	KHMT	20520174	Lê Nguyễn Bảo	Hân	9	8	8	8.33	Giỏi	5167 /K20	
570	KHMT	20520178	Lê Trọng	Hảo	5.5	5	8	6.17	Tb khá	5168 /K20	
571	KHMT	20520184	Nguyễn Trung	Hiếu	8	6.5	7	7.17	Khá	5169 /K20	
572	KHMT	20520193	Cao Văn	Hùng	6.5	7	9	7.5	Khá	5170 /K20	
573	KHMT	20520198	Nguyễn Tiến	Hưng	7.5	6	7	6.83	Tb khá	5171 /K20	
574	KHMT	20520201	Lê Thị Thanh	Hương	6	8	7	7	Khá	5172 /K20	
575	KHMT	20520208	Lê Nhật	Kha	8	9	9	8.67	Giỏi	5173 /K20	
576	KHMT	20520237	Trần Tấn	Lộc	6	6	8	6.67	Tb khá	5174 /K20	
577	KHMT	20520239	Nguyễn Hoàng	Long	7.5	8	9	8.17	Giỏi	5175 /K20	
578	KHMT	20520243	Lê Đoàn Phúc	Minh	6	5	8	6.33	Tb khá	5176 /K20	
579	KHMT	20520269	Đoàn Tấn	Phát	8.5	6	6	6.83	Tb khá	5177 /K20	
580	KHMT	20520273	Bùi Quang	Phú	5	7.5	8	6.83	Tb khá	5178 /K20	
581	KHMT	20520275	Danh Võ Hồng	Phúc	7.5	5	8	6.83	Tb khá	5179 /K20	
582	KHMT	20520276	Nguyễn Đức Anh	Phúc	5	5.5	8	6.17	Tb khá	5180 /K20	
583	KHMT	20520278	Phạm Hoàng	Phúc	9	8.5	9	8.83	Giỏi	5181 /K20	
(	KHMT	20520290	Lê Viết Lâm	Quang	9	8	6	7.67	Khá	5182 /K20	
585	KHMT	20520298	Dương Thành	Sơn	6.5	8.5	9	8	Giỏi	5183 /K20	
586	KHMT	20520304	Nguyễn Quốc	Thái	9	8.5	7	8.17	Giỏi	5184 /K20	
587	KHMT	20520305	Võ Thành	Thái	8	6	7	7	Khá	5185 /K20	
588	KHMT	20520309	Lại Chí	Thiện	8	6.5	9	7.83	Khá	5186 /K20	
589	KHMT	20520310	Trương Quang	Thiện	7	6	5	6	Tb khá	5187 /K20	
590	KHMT	20520313	Nguyễn Hồng Anh	Thư	7	6	8	7	Khá	5188 /K20	
591	KHMT	20520330	Nguyễn Thanh	Trọng	6	7.5	7	6.83	Tb khá	5189 /K20	
592	KHMT	20520332	Bùi Nguyễn Anh	Trung	7.5	6	8	7.17	Khá	5190 /K20	
593	KHMT	20520344	Nguyễn Hoàng	Tuấn	9.5	7.5	9	8.67	Giỏi	5191 /K20	
594	KHMT	20520345	Trần Trương Phú	Túc	7.5	8.5	9	8.33	Giỏi	5192 /K20	
595	KHMT	20520350	Bùi Long	Vũ	8.5	5	8	7.17	Khá	5193 /K20	
596	KHMT	20520355	Lê Thị Phương	Vy	6.5	9	8	7.83	Khá	5194 /K20	
597	KHMT	20520375	Phạm Phước	An	9	6.5	5	6.83	Tb khá	5195 /K20	
598	KHMT	20520390	Nguyễn Lê Thế	Anh	7	6	7	6.67	Tb khá	5196 /K20	
599	KHMT	20520394	Nguyễn Trần Minh	Anh	6.5	7.5	8	7.33	Khá	5197 /K20	
600	KHMT	20520406	Nguyễn Gia	Bảo	6.5	5	9	6.83	Tb khá	5198 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
601	KHMT	20520410	Trần Thái	Bảo	7	6.5	8	7.17	Khá	5199 /K20	
602	KHMT	20520431	Hoàng Công	Danh	8	6	8	7.33	Khá	5200 /K20	
603	KHMT	20520435	Nguyễn Duy	Đạt	7	8	6	7	Khá	5201 /K20	
604	KHMT	20520436	Nguyễn Văn Thành	Đạt	7	7.5	5	6.5	Tb khá	5202 /K20	
605	KHMT	20520449	Bùi Hữu	Đức	8.5	5.5	8	7.33	Khá	5203 /K20	
606	KHMT	20520461	Huỳnh Thái	Dương	5.5	5	7	5.83	T.Bình	5204 /K20	
607	KHMT	20520462	Mai	Dương	5.5	5.5	8	6.33	Tb khá	5205 /K20	
608	KHMT	20520465	Nguyễn Vũ	Dương	7.5	5.5	7	6.67	Tb khá	5206 /K20	
609	KHMT	20520478	Nguyễn Hoàng	Gia	8	6	10	8	Giỏi	5207 /K20	
610	KHMT	20520480	Hồ Hồng	Hà	7	8.5	7	7.5	Khá	5208 /K20	
611	KHMT	20520481	Lê Trương Ngọc	Hải	6.5	5	10	7.17	Khá	5209 /K20	
612	KHMT	20520482	Nguyễn Phước	Hải	8	6	7	7	Khá	5210 /K20	
613	KHMT	20520490	Nguyễn Đặng Nhật	Hào	6	6	9	7	Khá	5211 /K20	
614	KHMT	20520512	Đỗ Tài Hân	Hoan	7	6.5	8	7.17	Khá	5212 /K20	
615	KHMT	20520519	Phạm Xuân	Hoàng	6	5	7	6	Tb khá	5213 /K20	
616	KHMT	20520527	Nguyễn Phúc	Hưng	6	6.5	8	6.83	Tb khá	5214 /K20	
617	KHMT	20520528	Phạm Hoàng	Hưng	6.5	6	8	6.83	Tb khá	5215 /K20	
618	KHMT	20520547	Nguyễn Thái	Huy	9	8.5	6	7.83	Khá	5216 /K20	
619	KHMT	20520568	Nguyễn Đức Minh	Khang	5	7	7	6.33	Tb khá	5217 /K20	
620	KHMT	20520569	Nguyễn Phúc	Khang	6.5	7.5	7	7	Khá	5218 /K20	
621	KHMT	20520574	Lê Trần Quốc	Khánh	9	8	8	8.33	Giỏi	5219 /K20	
622	KHMT	20520575	Nguyễn Hoàng Nam	Khánh	7	8	7	7.33	Khá	5220 /K20	
623	KHMT	20520580	Trương Quốc	Khánh	8	6	8	7.33	Khá	5221 /K20	
624	KHMT	20520589	Trần Đăng	Khoa	9	5.5	10	8.17	Giỏi	5222 /K20	
625	KHMT	20520596	Vũ Minh	Khôi	7.5	5.5	8	7	Khá	5223 /K20	
626	KHMT	20520641	Đinh Phương	Nam	8	6.5	8	7.5	Khá	5224 /K20	
627	KHMT	20520645	Võ Nguyễn Hoài	Nam	8	6.5	9	7.83	Khá	5225 /K20	
628	KHMT	20520652	Chu Nguyễn Hồng	Ngọc	7.5	8.5	7	7.67	Khá	5226 /K20	
629	KHMT	20520654	Mai Duy	Ngọc	8	7.5	5	6.83	Tb khá	5227 /K20	
630	KHMT	20520666	Lê Trung	Nhân	6	5.5	8	6.5	Tb khá	5228 /K20	
631	KHMT	20520670	Nguyễn Trung	Nhân	5.5	9	10	8.17	Giỏi	5229 /K20	
632	KHMT	20520675	Trần Quang	Nhật	5.5	6	7	6.17	Tb khá	5230 /K20	
633	KHMT	20520689	Nguyễn Thành	Phong	6	5	7	6	Tb khá	5231 /K20	
634	KHMT	20520693	Nguyễn Quang	Phú	7	7	7	7	Khá	5232 /K20	
635	KHMT	20520699	Đào Danh Đăng	Phụng	9	8.5	6	7.83	Khá	5233 /K20	
636	KHMT	20520707	Huỳnh Minh	Quân	8.5	6.5	9	8	Giỏi	5234 /K20	
637	KHMT	20520709	Lê Minh	Quân	7	8	9	8	Giỏi	5235 /K20	
638	KHMT	20520723	Nguyễn Cao	Quốc	5.5	6.5	7	6.33	Tb khá	5236 /K20	
639	KHMT	20520731	Trần Thị Mỹ	Quyên	8	9.5	8	8.5	Giỏi	5237 /K20	
640	KHMT	20520732	Đoàn Ngọc Như	Quỳnh	7	7	8	7.33	Khá	5238 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
641	KHMT	20520736	Trương Tấn	Sang	8.5	8	7	7.83	Khá	5239 /K20	
642	KHMT	20520757	Ngô Mai Quốc	Thắng	7.5	8.5	9	8.33	Giỏi	5240 /K20	
643	KHMT	20520758	Nguyễn Cao	Thắng	5.5	5	8	6.17	Tb khá	5241 /K20	
644	KHMT	20520767	Trương Thị Thanh	Thanh	6.5	5	7	6.17	Tb khá	5242 /K20	
645	KHMT	20520771	Nguyễn Đình	Thi	6	6	8	6.67	Tb khá	5243 /K20	
646	KHMT	20520775	Nguyễn Phan Quốc	Thiện	8.5	7	7	7.5	Khá	5244 /K20	
647	KHMT	20520780	Đỗ Đức	Thịnh	5.5	5.5	7	6	Tb khá	5245 /K20	
648	KHMT	20520781	Lê Việt	Thịnh	7.5	7	7	7.17	Khá	5246 /K20	
6(	KHMT	20520785	Tống Phúc	Thịnh	9.5	6.5	8	8	Giỏi	5247 /K20	
650	KHMT	20520793	Cao Thế	Thuận	8.5	7.5	7	7.67	Khá	5248 /K20	
651	KHMT	20520795	Nguyễn Minh	Thuận	6.5	5	7	6.17	Tb khá	5249 /K20	
652	KHMT	20520813	Hồ Thanh	Tịnh	8	8	7	7.67	Khá	5250 /K20	
653	KHMT	20520815	Nguyễn Bình Thục	Trâm	7	9	10	8.67	Giỏi	5251 /K20	
654	KHMT	20520816	Đỗ Thị Thu	Trang	6.5	5.5	9	7	Khá	5252 /K20	
655	KHMT	20520817	Lê Ngọc Mỹ	Trang	6	8	7	7	Khá	5253 /K20	
656	KHMT	20520821	Võ Minh	Trí	5	5.5	8	6.17	Tb khá	5254 /K20	
657	KHMT	20520835	Phạm Nguyễn Xuân	Trường	7.5	8	8	7.83	Khá	5255 /K20	
658	KHMT	20520841	Cao Khắc	Tuân	7	5.5	6	6.17	Tb khá	5256 /K20	
659	KHMT	20520843	Lâm Minh	Tuấn	8.5	7	7	7.5	Khá	5257 /K20	
660	KHMT	20520854	Trịnh Minh	Uyên	6	5	8	6.33	Tb khá	5258 /K20	
661	KHMT	20520855	Nguyễn Thị Như	Vân	7	6	7	6.67	Tb khá	5259 /K20	
662	KHMT	20520862	Nguyễn Thế	Vinh	8	5.5	8	7.17	Khá	5260 /K20	
663	KHMT	20520864	Huỳnh Hoàng	Vũ	9	8.5	7	8.17	Giỏi	5261 /K20	
6(	KHMT	20520904	Sái Đăng	Khôi	6	5.5	9	6.83	Tb khá	5262 /K20	
665	KHMT	20520918	Nguyễn Minh	Quang	7.5	5.5	7	6.67	Tb khá	5263 /K20	
666	KHMT	20520934	Bùi Quốc	Thịnh	7	5.5	7	6.5	Tb khá	5264 /K20	
667	KHMT	20520944	Tôn Anh	Trúc	8.5	6.5	6	7	Khá	5265 /K20	
668	KHMT	20520974	Lê Trọng	Tín	8	6	9	7.67	Khá	5266 /K20	
669	KHMT	20520991	Đặng Văn	Duy	5	7.5	6	6.17	Tb khá	5267 /K20	
670	KHMT	20520993	Lê Duy	Hiệp	5	6	6	5.67	T.Bình	5268 /K20	
671	KHMT	20521006	Nguyễn Hữu Quang	Nhật	7	6	9	7.33	Khá	5269 /K20	
672	KHMT	20521011	Nguyễn Trần	Tiến	8	9	7	8	Giỏi	5270 /K20	
673	KHMT	20521057	Vũ Thành	An	8	5	7	6.67	Tb khá	5271 /K20	
674	KHMT	20521064	Hoàng Đức	Anh	5.5	6	8	6.5	Tb khá	5272 /K20	
675	KHMT	20521069	Nguyễn Đức	Anh	5.5	8.5	10	8	Giỏi	5273 /K20	
676	KHMT	20521076	Phạm Đức	Anh	6	6.5	9	7.17	Khá	5274 /K20	
677	KHMT	20521102	Lương Thái	Bảo	7.5	8.5	5	7	Khá	5275 /K20	
678	KHMT	20521107	Phạm Thiện	Bảo	7.5	6.5	7	7	Khá	5276 /K20	
679	KHMT	20521109	Trần Quốc	Bảo	8.5	5.5	6	6.67	Tb khá	5277 /K20	
680	KHMT	20521119	Vũ Quốc Thái	Bình	6.5	5	9	6.83	Tb khá	5278 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
681	KHMT	20521129	Chu Kim	Chí	7	7.5	6	6.83	Tb khá	5279 /K20	
682	KHMT	20521137	Trương Văn	Chinh	9.5	7.5	8	8.33	Giỏi	5280 /K20	
683	KHMT	20521159	Nguyễn Huỳnh Hải	Đăng	9.5	7	7	7.83	Khá	5281 /K20	
684	KHMT	20521162	Bùi Viết	Đạt	5.5	6.5	7	6.33	Tb khá	5282 /K20	
685	KHMT	20521167	Lê Nguyễn Tiến	Đạt	7	7	6	6.67	Tb khá	5283 /K20	
686	KHMT	20521170	Nguyễn Quốc	Đạt	5	6.5	5	5.5	T.Bình	5284 /K20	
687	KHMT	20521172	Nguyễn Tiến	Đạt	6.5	6	6	6.17	Tb khá	5285 /K20	
688	KHMT	20521182	Đinh Phúc	Diên	8	7.5	5	6.83	Tb khá	5286 /K20	
689	KHMT	20521183	Huỳnh Đình Kim	Điền	7	6.5	5	6.17	Tb khá	5287 /K20	
690	KHMT	20521189	Đinh Quang	Đông	6.5	9	7	7.5	Khá	5288 /K20	
691	KHMT	20521209	Nguyễn Anh	Dũng	6	5	6	5.67	T.Bình	5289 /K20	
692	KHMT	20521223	Phạm Văn	Dương	8.5	6.5	8	7.67	Khá	5290 /K20	
693	KHMT	20521233	Lê Văn	Duy	6.5	6.5	5	6	Tb khá	5291 /K20	
694	KHMT	20521242	Nguyễn Phương	Duy	8.5	5	5	6.17	Tb khá	5292 /K20	
695	KHMT	20521268	Đoàn Công	Hà	6	7	5	6	Tb khá	5293 /K20	
696	KHMT	20521279	Nguyễn Hoàng	Hải	7.5	8.5	7	7.67	Khá	5294 /K20	
697	KHMT	20521294	Sần Đích	Hảo	6.5	6	6	6.17	Tb khá	5295 /K20	
698	KHMT	20521300	Nguyễn Hồng	Hậu	7.5	5	7	6.5	Tb khá	5296 /K20	
699	KHMT	20521305	Mai Hiếu	Hiền	8.5	8.5	6	7.67	Khá	5297 /K20	
700	KHMT	20521346	Nguyễn Văn	Hoàng	7	9	9	8.33	Giỏi	5298 /K20	
701	KHMT	20521354	Ngô Đức	Học	6	8.5	7	7.17	Khá	5299 /K20	
702	KHMT	20521358	Nguyễn Văn	Hợp	8	6	7	7	Khá	5300 /K20	
703	KHMT	20521360	Châu Phạm Quốc	Hưng	5.5	6	6	5.83	T.Bình	5301 /K20	
704	KHMT	20521363	Lê Quang	Hùng	7.5	7.5	6	7	Khá	5302 /K20	
705	KHMT	20521371	Phạm Hữu	Hùng	8	6.5	6	6.83	Tb khá	5303 /K20	
706	KHMT	20521384	Hoàng Đình	Hữu	8	6	6	6.67	Tb khá	5304 /K20	
707	KHMT	20521394	Lê Nguyễn Minh	Huy	7	8	7	7.33	Khá	5305 /K20	
708	KHMT	20521410	Phạm Bùi Nhật	Huy	6	5	6	5.67	T.Bình	5306 /K20	
709	KHMT	20521412	Phạm Quang	Huy	6.5	8.5	8	7.67	Khá	5307 /K20	
710	KHMT	20521414	Trần Đức	Huy	5	7.5	5	5.83	T.Bình	5308 /K20	
711	KHMT	20521424	Văn Nguyễn Ngọc	Huyền	9	8.5	7	8.17	Giỏi	5309 /K20	
712	KHMT	20521426	Huỳnh Diệp Bảo	Kha	6.5	5.5	6	6	Tb khá	5310 /K20	
713	KHMT	20521432	Đặng Minh	Khang	9	5	7	7	Khá	5311 /K20	
714	KHMT	20521441	Võ Duy	Khang	5.5	5.5	7	6	Tb khá	5312 /K20	
715	KHMT	20521443	Đoàn Phương	Khanh	7.5	5.5	5	6	Tb khá	5313 /K20	
716	KHMT	20521444	Dương Thành Bảo	Khanh	6.5	7	7	6.83	Tb khá	5314 /K20	
717	KHMT	20521451	Nguyễn Huy	Khánh	9.5	7.5	7	8	Giỏi	5315 /K20	
718	KHMT	20521467	Lê Văn	Khoa	9	9	6	8	Giỏi	5316 /K20	
719	KHMT	20521475	Trần Đăng	Khoa	8	7.5	6	7.17	Khá	5317 /K20	
720	KHMT	20521481	Phan Minh	Khôi	5.5	6.5	5	5.67	T.Bình	5318 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
721	KHMT	20521482	Trần Đình	Khôi	8.5	5.5	5	6.33	Tb khá	5319 /K20	
722	KHMT	20521490	Phạm	Kiên	6.5	9	7	7.5	Khá	5320 /K20	
723	KHMT	20521492	Võ Trung	Kiên	9.5	8	6	7.83	Khá	5321 /K20	
724	KHMT	20521493	Bùi Tuấn	Kiệt	6	6.5	7	6.5	Tb khá	5322 /K20	
725	KHMT	20521494	Huỳnh Viết Tuấn	Kiệt	7.5	7.5	6	7	Khá	5323 /K20	
726	KHMT	20521503	Trần Anh	Kiệt	7	6	7	6.67	Tb khá	5324 /K20	
727	KHMT	20521517	Nguyễn Thành	Lâm	8	7	7	7.33	Khá	5325 /K20	
728	KHMT	20521529	Hà Văn	Linh	10	8	7	8.33	Giỏi	5326 /K20	
7	KHMT	20521531	Lê Phước Vĩnh	Linh	8	9	9	8.67	Giỏi	5327 /K20	
730	KHMT	20521546	Lê Tấn	Lộc	8	9.5	7	8.17	Giỏi	5328 /K20	
731	KHMT	20521553	Võ Hoàng	Lộc	8.5	7.5	8	8	Giỏi	5329 /K20	
732	KHMT	20521563	Lê Hoàng	Long	6.5	5	5	5.5	T.Bình	5330 /K20	
733	KHMT	20521568	Nguyễn Hoàng	Long	6	6.5	6	6.17	Tb khá	5331 /K20	
734	KHMT	20521573	Phạm Duy	Long	7	6.5	7	6.83	Tb khá	5332 /K20	
735	KHMT	20521574	Trần Đức	Long	6.5	8	7	7.17	Khá	5333 /K20	
736	KHMT	20521576	Trần Văn	Long	7.5	7	7	7.17	Khá	5334 /K20	
737	KHMT	20521583	Nguyễn Tú	Luân	7	7	5	6.33	Tb khá	5335 /K20	
738	KHMT	20521587	Trần Văn	Lực	8	7.5	5	6.83	Tb khá	5336 /K20	
739	KHMT	20521591	Ngô Văn Tấn	Lưu	7	8	8	7.67	Khá	5337 /K20	
740	KHMT	20521592	Nguyễn Minh	Lý	6	7	7	6.67	Tb khá	5338 /K20	
741	KHMT	20521597	Đinh Nhật	Minh	8	8	7	7.67	Khá	5339 /K20	
742	KHMT	20521599	Lê	Minh	9	7	6	7.33	Khá	5340 /K20	
743	KHMT	20521601	Lê Nhật	Minh	7.5	8.5	7	7.67	Khá	5341 /K20	
7	KHMT	20521605	Ngô Thị Hiền	Minh	6.5	7.5	8	7.33	Khá	5342 /K20	
745	KHMT	20521621	Vũ Văn	Minh	8	7	6	7	Khá	5343 /K20	
746	KHMT	20521626	Đậu Văn	Nam	7	9	7	7.67	Khá	5344 /K20	
747	KHMT	20521632	Nguyễn Nhật	Nam	7.5	5.5	7	6.67	Tb khá	5345 /K20	
748	KHMT	20521641	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	6.5	6	7	6.5	Tb khá	5346 /K20	
749	KHMT	20521642	Phạm Thị Bích	Nga	7.5	6	8	7.17	Khá	5347 /K20	
750	KHMT	20521656	Phạm Văn	Nghĩa	7	5	6	6	Tb khá	5348 /K20	
751	KHMT	20521658	Trương Đăng	Nghĩa	6	6.5	6	6.17	Tb khá	5349 /K20	
752	KHMT	20521663	Nguyễn Đặng Bảo	Ngọc	6	7	6	6.33	Tb khá	5350 /K20	
753	KHMT	20521666	Nguyễn Văn Đức	Ngọc	7	7.5	7	7.17	Khá	5351 /K20	
754	KHMT	20521673	Lương Nguyễn Khôi	Nguyên	5	6.5	6	5.83	T.Bình	5352 /K20	
755	KHMT	20521693	Đỗ Trọng	Nhân	5.5	8	6	6.5	Tb khá	5353 /K20	
756	KHMT	20521708	Nguyễn Minh	Nhật	8	8.5	9	8.5	Giỏi	5354 /K20	
757	KHMT	20521769	Nguyễn Thanh	Phúc	5.5	5.5	7	6	Tb khá	5355 /K20	
758	KHMT	20521775	Lê Trần Hữu	Phước	8	8	6	7.33	Khá	5356 /K20	
759	KHMT	20521776	Mai Văn Thiên	Phước	6	7	6	6.33	Tb khá	5357 /K20	
760	KHMT	20521782	Trần Minh	Phúc	7.5	6.5	6	6.67	Tb khá	5358 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
761	KHMT	20521786	Đặng Minh	Quân	7.5	6	5	6.17	Tb khá	5359 /K20	
762	KHMT	20521789	Huỳnh Minh	Quân	5.5	5	5	5.17	T.Bình	5360 /K20	
763	KHMT	20521797	Trần Nguyễn Phúc Minh	Quân	7.5	6.5	6	6.67	Tb khá	5361 /K20	
764	KHMT	20521826	Lữ Thị Thúy	Quỳnh	8.5	6.5	6	7	Khá	5362 /K20	
765	KHMT	20521852	Ngô Ngọc	Sương	6.5	8	7	7.17	Khá	5363 /K20	
766	KHMT	20521855	Đàm Vũ Trọng	Tài	8	8	6	7.33	Khá	5364 /K20	
767	KHMT	20521861	Phạm Tấn	Tài	6.5	8	6	6.83	Tb khá	5365 /K20	
768	KHMT	20521869	Mai Võ Thanh	Tâm	6.5	5	7	6.17	Tb khá	5366 /K20	
7	KHMT	20521881	Trần Nguyễn Nhật	Tân	8	7.5	8	7.83	Khá	5367 /K20	
770	KHMT	20521887	Nguyễn Hoàng	Thái	8	6	7	7	Khá	5368 /K20	
771	KHMT	20521888	Nguyễn Khắc	Thái	7.5	7.5	6	7	Khá	5369 /K20	
772	KHMT	20521895	Lê Quang	Thắng	6.5	7	6	6.5	Tb khá	5370 /K20	
773	KHMT	20521907	Trương Thành	Thắng	7.5	8	6	7.17	Khá	5371 /K20	
774	KHMT	20521912	Lê Chí	Thành	6.5	5.5	7	6.33	Tb khá	5372 /K20	
775	KHMT	20521924	Trần	Thành	7.5	7.5	8	7.67	Khá	5373 /K20	
776	KHMT	20521925	Trần Duy	Thanh	7	5	8	6.67	Tb khá	5374 /K20	
777	KHMT	20521926	Trần Ngọc	Thành	9	9	7	8.33	Giỏi	5375 /K20	
778	KHMT	20521938	Trần Phương	Thảo	9.5	9	7	8.5	Giỏi	5376 /K20	
779	KHMT	20521960	Lương Lý Công	Thịnh	8.5	9	6	7.83	Khá	5377 /K20	
780	KHMT	20521974	Nguyễn Văn	Thọ	8	9	5	7.33	Khá	5378 /K20	
781	KHMT	20521976	Lê Hoàng	Thoại	6.5	7	7	6.83	Tb khá	5379 /K20	
782	KHMT	20521990	Bùi Văn	Thuận	5	8.5	7	6.83	Tb khá	5380 /K20	
783	KHMT	20521997	Vương Vĩnh	Thuận	7.5	6.5	6	6.67	Tb khá	5381 /K20	
7	KHMT	20522001	Phan Tấn	Thương	7.5	8.5	7	7.67	Khá	5382 /K20	
785	KHMT	20522012	Phạm Trần Anh	Tiên	8.5	7.5	7	7.67	Khá	5383 /K20	
786	KHMT	20522015	Nguyễn Ngọc	Tín	8	7.5	7	7.5	Khá	5384 /K20	
787	KHMT	20522028	Nguyễn Văn	Toàn	8.5	7	7	7.5	Khá	5385 /K20	
788	KHMT	20522035	Trần Huyền	Trân	8	8	7	7.67	Khá	5386 /K20	
789	KHMT	20522057	Quách Minh	Triết	8.5	6	6	6.83	Tb khá	5387 /K20	
790	KHMT	20522069	Lê Phước	Trung	6.5	5.5	6	6	Tb khá	5388 /K20	
791	KHMT	20522081	Hàn Phi	Trường	6	5.5	5	5.5	T.Bình	5389 /K20	
792	KHMT	20522083	Lê Duy	Trường	8.5	5.5	6	6.67	Tb khá	5390 /K20	
793	KHMT	20522087	Nguyễn Nhật	Trường	7.5	6.5	6	6.67	Tb khá	5391 /K20	
794	KHMT	20522090	Phạm Lê	Trường	7	5	6	6	Tb khá	5392 /K20	
795	KHMT	20522107	Đào Trần Anh	Tuấn	7.5	7.5	6	7	Khá	5393 /K20	
796	KHMT	20522113	Lê Thế	Tuấn	9	9	7	8.33	Giỏi	5394 /K20	
797	KHMT	20522114	Nguyễn Anh	Tuấn	7	5	5	5.67	T.Bình	5395 /K20	
798	KHMT	20522116	Nguyễn Đặng Quang	Tuấn	6	7	6	6.33	Tb khá	5396 /K20	
799	KHMT	20522132	Phạm Thanh	Tùng	6	5.5	6	5.83	T.Bình	5397 /K20	
800	KHMT	20522153	Phạm Quang	Việt	7	5	7	6.33	Tb khá	5398 /K20	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CẤP CHỨNG CHỈ GDQP VÀ AN

TRƯỜNG: ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - K391c/20

Ban hành kèm theo Quyết định số:

Stt	Khoa	Mssv	Họ	Tên	p1	p2	p3	TB	XL	Shcc	Ký nhận
801	KHMT	20522161	Trần Phú	Vinh	7.5	7	7	7.17	Khá	5399 /K20	
802	KHMT	20522176	Đặng Thị Tường	Vy	7.5	6.5	7	7	Khá	5400 /K20	
803	KHMT	20520949	Hoàng Gia	Vinh	8.5	6.5	6	7	Khá	5401 /K20	
804	KTMT	20520138	Trần Lê	Anh	5.5	8.5	8	7.33	Khá	5402 /K20	
805	KTMT	20520146	Lê Tuấn	Cường	8.5	8	8	8.17	Giỏi	5403 /K20	
806	KTMT	20520171	Nguyễn Nam	Hải	5	5	6	5.33	T.Bình	5404 /K20	
807	KTMT	20520185	Trương Trọng	Hiếu	5.5	6.5	6	6	Tb khá	5405 /K20	
808	KTMT	20520211	Trương Hữu	Khang	8	5.5	6	6.5	Tb khá	5406 /K20	
809	KTMT	20520216	Lê Như Gia	Khiêm	7	7.5	7	7.17	Khá	5407 /K20	
810	KTMT	20520217	Đặng Anh	Khoa	6	8	7	7	Khá	5408 /K20	
811	KTMT	20520219	Nguyễn Linh Anh	Khoa	5.5	8	7	6.83	Tb khá	5409 /K20	
812	KTMT	20520257	Nguyễn Thế	Nhân	6	6	6	6	Tb khá	5410 /K20	
813	KTMT	20520283	Văn Nguyễn Mạnh	Phương	6	5.5	7	6.17	Tb khá	5411 /K20	
814	KTMT	20520326	Tạ Điền Minh	Trí	7	6.5	6	6.5	Tb khá	5412 /K20	
815	KTMT	20520340	Phạm Minh	Trường	7	7.5	7	7.17	Khá	5413 /K20	
816	KTMT	20520349	Lê Hữu	Vinh	7.5	5	7	6.5	Tb khá	5414 /K20	
817	KTMT	20520366	Lương Minh	Tân	7	6.5	7	6.83	Tb khá	5415 /K20	
818	KTMT	20520381	Đỗ Ngọc Quang	Anh	6.5	8.5	7	7.33	Khá	5416 /K20	
819	KTMT	20520395	Nguyễn Tuấn	Anh	5.5	5.5	5	5.33	T.Bình	5417 /K20	
820	KTMT	20520438	Trần Tuấn	Đạt	7.5	7.5	9	8	Giỏi	5418 /K20	
821	KTMT	20520466	Cao Nhất	Duy	6	7	6	6.33	Tb khá	5419 /K20	
822	KTMT	20520467	Lê Nguyễn Quang	Duy	7.5	6.5	5	6.33	Tb khá	5420 /K20	
823	KTMT	20520503	Huỳnh Trí	Hiếu	7.5	7.5	5	6.67	Tb khá	5421 /K20	
824	KTMT	20520536	Bùi Đoàn Thế	Huy	8	5.5	8	7.17	Khá	5422 /K20	
825	KTMT	20520550	Tạ Duy	Huy	8.5	8.5	7	8	Giỏi	5423 /K20	
826	KTMT	20520555	Trần Trọng	Huy	6.5	6	6	6.17	Tb khá	5424 /K20	
827	KTMT	20520576	Nguyễn Nam	Khánh	8.5	6	7	7.17	Khá	5425 /K20	
828	KTMT	20520592	Đỗ Minh	Khôi	8.5	8	7	7.83	Khá	5426 /K20	
829	KTMT	20520597	Hà Vĩnh	Kiện	5.5	7	7	6.5	Tb khá	5427 /K20	
830	KTMT	20520614	Phan Ái	Linh	7.5	6.5	7	7	Khá	5428 /K20	
831	KTMT	20520622	Nguyễn An	Long	8	7	6	7	Khá	5429 /K20	
832	KTMT	20520642	Nguyễn Hải	Nam	7	7	7	7	Khá	5430 /K20	
833	KTMT	20520646	Võ Nhật	Nam	7	5.5	7	6.5	Tb khá	5431 /K20	
834	KTMT	20520665	Chu Thành	Nhân	6.5	8	8	7.5	Khá	5432 /K20	
835	KTMT	20520688	Ngô Tạ Đình	Phong	7	5.5	9	7.17	Khá	5433 /K20	
836	KTMT	20520705	Vũ Duy	Phương	6	6.5	5	5.83	T.Bình	5434 /K20	
837	KTMT	20520720	Nguyễn Đỗ	Quang	7	6	5	6	Tb khá	5435 /K20	
838	KTMT	20520721	Phạm Nhật	Quang	8	9.5	8	8.5	Giỏi	5436 /K20	
839	KTMT	20520726	Đàng Tiểu	Quý	6.5	7	6	6.5	Tb khá	5437 /K20	
840	KTMT	20520738	Nguyễn Phúc	Sơn	10	6.5	9	8.5	Giỏi	5438 /K20	